

**2.5-6K****Biến tần kết nối****S6-GR1P(2.5-6)K-S**

2 MPPT | 16A mỗi MPPT



- Dòng điện từng chuỗi lên đến 16A
- Thiết kế nhỏ gọn dễ dàng lắp đặt
- Hỗ trợ kiểm soát công suất của hệ thống
- Giám sát mức tiêu thụ của tải trong 24 giờ
- Bảo vệ AFCI, chủ động giảm rủi ro hỏa hoạn
- Thích ứng với lưới điện yếu

VIỆT NAM

t: +84 98 316 8126 (việc bán hàng) +84 24 7109 7614 (dịch vụ)

e: sales@ginlong.com service@ginlong.com

w: solisinverters.com/vn



## Bảng thông số

| Mô hình                                         | 2.5K                                                                                                                                                                                                                               | 3K            | 3.6K          | 4K              | 4.6K                                | 5K              | 6K              |
|-------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|---------------|-----------------|-------------------------------------|-----------------|-----------------|
| Đầu vào DC                                      |                                                                                                                                                                                                                                    |               |               |                 |                                     |                 |                 |
| Công suất đầu vào tối đa để xuất                | 3.75 kW                                                                                                                                                                                                                            | 4.5 kW        | 5.4 kW        | 6 kW            | 6.9 kW                              | 7.5 kW          | 9 kW            |
| Điện áp đầu vào tối đa                          | 550 V                                                                                                                                                                                                                              |               |               |                 |                                     |                 |                 |
| Điện áp định mức                                | 250 V                                                                                                                                                                                                                              | 330 V         |               |                 |                                     |                 |                 |
| Điện áp khởi động                               | 60 V                                                                                                                                                                                                                               | 100 V         |               |                 |                                     |                 |                 |
| Dải điện áp MPPT                                | 50 - 550 V                                                                                                                                                                                                                         | 90 - 550 V    |               |                 |                                     |                 |                 |
| Dòng điện đầu vào tối đa                        | 16 A / 16 A                                                                                                                                                                                                                        |               |               |                 |                                     |                 |                 |
| Dòng điện ngắn mạch tối đa                      | 22 A / 22 A                                                                                                                                                                                                                        |               |               |                 |                                     |                 |                 |
| Số lượng MPPT / số chuỗi đầu vào tối đa         | 2 / 2                                                                                                                                                                                                                              |               |               |                 |                                     |                 |                 |
| Đầu ra AC                                       |                                                                                                                                                                                                                                    |               |               |                 |                                     |                 |                 |
| Công suất đầu ra định mức                       | 2.5 kW                                                                                                                                                                                                                             | 3 kW          | 3.6 kW        | 4 kW            | 4.6 kW                              | 5 kW            | 6 kW            |
| Công suất biểu kiến đầu ra tối đa               | 2.5 kVA                                                                                                                                                                                                                            | 3 kVA         | 3.6 kVA       | 4 kVA           | 4.6 kVA                             | 5 kVA           | 6 kVA           |
| Công suất đầu ra tối đa                         | 2.5 kW                                                                                                                                                                                                                             | 3 kW          | 3.6 kW        | 4 kW            | 4.6 kW                              | 5 kW            | 6 kW            |
| Điện áp lưới định mức                           | 1/N/PE, 220 V / 230 V                                                                                                                                                                                                              |               |               |                 |                                     |                 |                 |
| Tần số lưới định mức                            | 50 Hz / 60 Hz                                                                                                                                                                                                                      |               |               |                 |                                     |                 |                 |
| Dòng điện đầu ra lưới điện định mức             | 11.4 A / 10.9 A                                                                                                                                                                                                                    | 13.6 A / 13 A | 16 A / 15.7 A | 18.2 A / 17.4 A | 20.9 A / 20 A                       | 22.7 A / 21.7 A | 27.3 A / 26.1 A |
| Dòng điện đầu ra tối đa                         | 11.4 A                                                                                                                                                                                                                             | 13.6 A        | 16 A          | 18.2 A          | 20.9 A                              | 22.7 A          | 27.3 A          |
| Hệ số công suất                                 | > 0.99 (-0.8 -> + 0.8)                                                                                                                                                                                                             |               |               |                 |                                     |                 |                 |
| Tổng độ méo sóng hài                            | < 3%                                                                                                                                                                                                                               |               |               |                 |                                     |                 |                 |
| Hiệu suất                                       |                                                                                                                                                                                                                                    |               |               |                 |                                     |                 |                 |
| Hiệu suất tối đa                                | 97.3%                                                                                                                                                                                                                              | 97.3%         |               | 97.6%           |                                     | 97.7%           |                 |
| Hiệu suất Châu Âu                               | 96.5%                                                                                                                                                                                                                              | 96.6%         |               | 97.1%           |                                     | 97.1%           |                 |
| Bảo vệ                                          |                                                                                                                                                                                                                                    |               |               |                 |                                     |                 |                 |
| Bảo vệ ngược cực DC                             |                                                                                                                                                                                                                                    |               |               | Có              |                                     |                 |                 |
| Bảo vệ ngắn mạch                                |                                                                                                                                                                                                                                    |               |               | Có              |                                     |                 |                 |
| Bảo vệ quá dòng đầu ra                          |                                                                                                                                                                                                                                    |               |               | Có              |                                     |                 |                 |
| Bảo vệ chống sét                                |                                                                                                                                                                                                                                    |               |               | Có              |                                     |                 |                 |
| Giám sát lưới điện                              |                                                                                                                                                                                                                                    |               |               | Có              |                                     |                 |                 |
| Bảo vệ chống đảo                                |                                                                                                                                                                                                                                    |               |               | Có              |                                     |                 |                 |
| Bảo vệ nhiệt độ                                 |                                                                                                                                                                                                                                    |               |               | Có              |                                     |                 |                 |
| Quét đa đỉnh                                    |                                                                                                                                                                                                                                    |               |               | Có              |                                     |                 |                 |
| Tích hợp AFCI 2.0                               |                                                                                                                                                                                                                                    |               |               | Tùy chọn        |                                     |                 |                 |
| Tích hợp công tắc DC                            |                                                                                                                                                                                                                                    |               |               | Có              |                                     |                 |                 |
| Thông số chung                                  |                                                                                                                                                                                                                                    |               |               |                 |                                     |                 |                 |
| Kích thước (Rộng × Cao × Sâu)                   | 330 × 371 × 161 mm                                                                                                                                                                                                                 |               |               |                 |                                     |                 |                 |
| Trọng lượng                                     | 8.2 kg                                                                                                                                                                                                                             | 8.3 kg        |               | 8.9 kg          |                                     |                 | 9 kg            |
| Cấu trúc liên kết                               | Không biến áp                                                                                                                                                                                                                      |               |               |                 |                                     |                 |                 |
| Công suất tự tiêu thụ (đêm)                     | < 1 W                                                                                                                                                                                                                              |               |               |                 |                                     |                 |                 |
| Dải nhiệt độ môi trường vận hành                | -25 ~ +60°C                                                                                                                                                                                                                        |               |               |                 |                                     |                 |                 |
| Độ ẩm tương đối                                 | 0 - 100%                                                                                                                                                                                                                           |               |               |                 |                                     |                 |                 |
| Bảo vệ xâm nhập                                 | IP66                                                                                                                                                                                                                               |               |               |                 |                                     |                 |                 |
| Phát ra tiếng ồn (điển hình)                    | 20 dB(A)                                                                                                                                                                                                                           |               |               |                 |                                     |                 |                 |
| Cách thức làm mát                               | Làm mát tự nhiên                                                                                                                                                                                                                   |               |               |                 | Làm mát tự nhiên với quạt bên trong |                 |                 |
| Độ cao so với mực nước biển tối đa để hoạt động | 4000 m                                                                                                                                                                                                                             |               |               |                 |                                     |                 |                 |
| Tiêu chuẩn kết nối lưới điện                    | G98 hoặc G99, VDE-AR-N 4105/VDE V 0124, EN 50549-1, VDE 0126/UTE C 15/VFR:2019, RD 1699/RD 244/UNE 206006/UNE 206007-1, CEI 0-21, C10/11, NRS 097-2-1, EIFS 2018.2, IEC 62116, IEC 61727, IEC 60068, IEC 61683, EN 50530, MEA, PEA |               |               |                 |                                     |                 |                 |
| Tiêu chuẩn an toàn / EMC                        | IEC/EN 62109-1/-2, IEC/EN 61000-6-2/-3                                                                                                                                                                                             |               |               |                 |                                     |                 |                 |
| Đặc trưng                                       |                                                                                                                                                                                                                                    |               |               |                 |                                     |                 |                 |
| Kết nối DC                                      | Đầu nối MC4                                                                                                                                                                                                                        |               |               |                 |                                     |                 |                 |
| Kết nối AC                                      | Đầu cắm kết nối nhanh                                                                                                                                                                                                              |               |               |                 |                                     |                 |                 |
| Hiển thị                                        | Màn hình kỹ thuật số LED & Bluetooth + Ứng dụng                                                                                                                                                                                    |               |               |                 |                                     |                 |                 |
| Truyền thông                                    | RS485, USB, Tùy chọn: Wi-Fi, GPRS                                                                                                                                                                                                  |               |               |                 |                                     |                 |                 |